

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Số 1 Lương Định Của -Phường Kim Liên-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.077.519.388.300	938.796.588.590
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		157.822.169.789	243.690.183.215
1. Tiền	111	V.1	95.658.383.436	243.690.183.215
2. Các khoản tương đương tiền	112		62.163.786.353	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		322.911.237.317	137.756.777.105
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	322.911.237.317	137.756.777.105
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		263.737.256.404	181.888.500.124
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	222.204.920.082	152.390.724.822
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	22.078.318.403	20.580.090.750
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.6	19.474.017.919	8.937.684.552
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.7	(20.000.000)	(20.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		310.506.005.834	365.597.127.758
1. Hàng tồn kho	141	V.8	311.811.376.057	366.902.497.982
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(1.305.370.223)	(1.305.370.224)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150	V.9	3.217.135.005	187.441.503
1. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		3.217.135.005	187.441.503
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		19.325.583.951	9.676.558.885
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.12	11.270.467.522	2.527.144.481
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		4.629.023.260	4.225.276.219
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		3.426.093.169	2.924.138.185
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.298.849.282.855	1.303.906.469.780
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		422.100.000	422.100.000
1. Phải thu dài hạn khác	215		422.100.000	422.100.000
II. Tài sản cố định	220		153.186.904.944	158.176.921.421
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	137.277.157.522	141.743.411.880
- Nguyên giá	222		344.829.264.913	344.724.753.313
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(207.552.107.391)	(202.981.341.433)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	15.909.747.422	16.433.509.541
- Nguyên giá	228		39.847.801.748	39.847.801.748
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(23.938.054.326)	(23.414.292.207)
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.3	1.122.442.015.906	1.122.442.015.906
1. Đầu tư vào công ty con	261		1.096.380.280.526	1.096.380.280.526
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		26.061.735.380	26.061.735.380
VII Tài sản dài hạn khác	260		22.798.262.005	22.865.432.453
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.12	19.376.060.855	19.356.552.122
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.13	3.422.201.150	3.508.880.331
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.376.368.671.155	2.242.703.058.370

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		753.292.119.110	612.977.340.917
I. Nợ ngắn hạn	310		753.292.119.110	612.977.340.917
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	139.110.946.407	135.862.091.993
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	4.783.329.331	11.336.009.703
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.16	9.055.010.991	16.895.319.700
5. Phải trả người lao động	315		41.801.700	5.283.704.021
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	9.259.141.403	11.974.951.184
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	31.864.082.080	16.558.812.213
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.19	542.138.272.010	387.024.716.942
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		17.039.535.188	28.041.735.161
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.20	1.623.076.552.045	1.629.725.717.453
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		175.869.880.000	175.869.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		175.869.880.000	175.869.880.000
2. Thặng dư vốn	412		331.245.527.850	331.245.527.850
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(50.000.000)	(50.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		412.646.842.657	418.128.175.203
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		703.364.301.538	704.532.134.400
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		668.841.602.400	546.819.588.875
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		34.522.699.138	157.712.545.525
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.376.368.671.155	2.242.703.058.370

Lập ngày 24 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Lê Thành Chung



Nguyễn Thị Trà My

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	338.798.099.056	310.757.344.043	338.798.099.056	310.757.344.043
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.328.546.806	2.703.029.600	7.328.546.806	2.703.029.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		331.469.552.250	308.054.314.443	331.469.552.250	308.054.314.443
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	268.445.269.621	245.006.285.211	268.445.269.621	245.006.285.211
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.024.282.629	63.048.029.232	63.024.282.629	63.048.029.232
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	6.378.482.954	1.902.980.519	6.378.482.954	1.902.980.519
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	6.935.460.222	2.678.071.967	6.935.460.222	2.678.071.967
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		5.570.931.108	2.467.250.461	5.570.931.108	2.467.250.461
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	11.327.092.664	12.884.586.832	11.327.092.664	12.884.586.832
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.728.026.771	7.187.341.030	7.728.026.771	7.187.341.030
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.412.185.926	42.201.009.922	43.412.185.926	42.201.009.922
12. Thu nhập khác	31	VI.7	142.908.273	156.192.528	142.908.273	156.192.528
13. Chi phí khác	32	VI.7	200.234.481	149.175.874	200.234.481	149.175.874
14. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(57.326.208)	7.016.654	(57.326.208)	7.016.654
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.354.859.718	42.208.026.576	43.354.859.718	42.208.026.576

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	8.773.786.815	6.736.552.560	8.773.786.815	6.736.552.560
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	58.373.765	1.724.796.121	58.373.765	1.724.796.121
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.522.699.138	33.746.677.895	34.522.699.138	33.746.677.895

Lập ngày 24 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thành Chung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Trà My

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tại ngày: 31/03/2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.354.859.718	42.208.026.576
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.827.121.322	(1.620.373.197)
- Các khoản dự phòng	03		(3.029.693.503)	(40.588.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		96.820.292	(893.185.266)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.562.956.981)	-
- Chi phí đi vay	06		5.570.931.108	2.467.250.461
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		47.257.081.956	42.121.130.574
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(81.552.293.176)	(159.460.205.212)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		55.091.121.925	(14.935.941.910)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(57.815.363.522)	29.398.294.308
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(8.762.831.774)	(3.830.636.454)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(3.694.599.089)	(1.991.256.153)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(360.214.384)	(15.148.034.832)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.574.255.177)	(8.601.745.152)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(57.411.353.241)	(132.448.394.831)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.443.024.704)	(34.345.817.572)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(337.321.331.445)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		152.166.871.233	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.787.180.984	(10.019.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(182.810.303.932)	(34.355.836.750)
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	463.433.037.844	228.634.212.566
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(308.783.482.776)	(94.219.163.027)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở	36		-	(35.149.032.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		154.649.555.068	99.266.017.539
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50		(85.572.102.105)	(67.538.214.042)
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		243.690.183.215	212.554.829.277
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(295.911.321)	42.909.191
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i>	70		157.822.169.789	145.059.524.426

Lập ngày 24 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thành Chung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Trà My

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Công ty Cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 17 với mã số 0101449271 do Sở Tài Chính Tp Hà Nội cấp ngày 06/11/2025.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội.
- Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty có các công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:
Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần ĐT và PT Vinaseed Hà Nội	53,80%	53,80%	Phường Lương Định Của, TP. Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp, vật tư phục vụ nông nghiệp; chế biến kinh doanh nông sản; đại lý bán buôn bán lẻ.
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	Phường Điện Bàn Bắc, TP Đà Nẵng.	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	Phường Tân Sơn Hòa, TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng. Chế biến nông sản và hạt giống cây trồng
5	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam (*)	98,92%	100%	Xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác và bột mì
6	Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam (**)	98,92%	100%	Xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty nắm giữ trực tiếp 70% và gián tiếp 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này thông qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

(**) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty nắm giữ gián tiếp qua công ty con Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Thông tin về các đơn vị trực thuộc:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ (cập nhật theo địa bàn hành chính mới)
1. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Thôn Lý Yên, Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Thôn Phong Lôi Đông, Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên
3. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Số 7, đường Trần Nhật Duật, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
4. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thôn 4, Phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
5. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, Phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình
6. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản (i)	Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, Phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình
7. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	thôn Trại Giống, Xã Quảng Oai, thành phố Hà Nội
8. Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Xóm 5, thôn Bình Dân, Xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên
9. Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung Ương	thôn Trại Giống, Xã Quảng Oai, TP Hà Nội
10. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Số 211 Đường Bà Thiên, Ấp 5, Xã Nhuận Đức, TP Hồ Chí Minh
11. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	350 tiểu khu Trần Phú, Xã Thường Tín, TP Hà Nội
12. Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.	Nước CHXDND Lào
13. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Địa điểm kinh doanh Nhà máy Hưng Yên	Xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/NQ-VINASEED-HĐQT ngày 24 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thông qua việc giải thể chi nhánh Kinh doanh Nông sản. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, chi nhánh Kinh doanh Nông sản đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải thể doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

6. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 Công ty có 296 người lao động (tại 31/12/2025 là 285 người)

7. Thông tin trên Báo cáo tài chính có khả năng so sánh với số cùng kỳ năm trước tại báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính quý 1 năm 2025.

Thông tin số đầu kỳ của Báo cáo tài chính được điều chỉnh theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

II. Kỳ kế toán , đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch
2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 công ty áp dụng Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:
 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước);
 - Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;
 - Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200; và
 - Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.
2. Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. Chính sách kế toán, ước tính kế toán và các quy định pháp luật có liên quan áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán, chuyển khoản trung bình.
Tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua bán, chuyển khoản trung bình của ngân hàng thường xuyên giao dịch. Đối với tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi mở tài khoản.

3. Nguyên tắc xác định lãi xuất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức của năm trước khi trở thành công ty con ghi nhận giảm giá gốc đầu tư.

Đầu tư công cụ vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể bị suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.), có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam

số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và trang thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	06 - 15
Thiết bị VP và dụng cụ quản lý	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định (TSCĐ) vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

Bản quyền

Bản quyền các loại giống được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Bản quyền	05 - 20
Phần mềm máy tính	05 - 06
Tài sản cố định khác	15

Quyền sử dụng đất lâu dài công ty không trích khấu hao.

9. Nguyên tắc kế toán tài sản sinh học

Tài sản sinh học được ghi nhận theo giá gốc (bao gồm chi phí mua, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng/thu hoạch).

Tài sản sinh học có thể được đánh giá lại khi xác định được giá trị hợp lý đáng tin cậy nhằm phản ánh đúng giá trị thực của tài sản.

Tài sản sinh học không được khấu hao và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Sau thu hoạch sản phẩm tài sản sinh học được ghi nhận hàng tồn kho, chi phí liên quan đến việc tạo ra sản phẩm sinh học ghi nhận giá thành sản phẩm.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Phản ánh chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng để xây dựng công trình tại Khu công nghiệp Đồng Văn 1 mở rộng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam chi phí này sẽ được bù trừ với số tiền thuê đất Công ty phải trả trong thời gian thuê đất (Công ty được miễn tiền thuê đất 12 năm 5 tháng, từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 5 năm 2032). Chi phí này được phân bổ theo thời gian thuê đất đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2064.

Chi phí hợp tác đầu tư thể hiện khoản góp vốn đầu tư theo Hợp đồng cung cấp - khai thác - chuyển giao Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái số 01/2020/VINASOLAR.VN-VINARICE-NSC ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty, Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam - công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần VINASOLAR Việt Nam. Căn cứ theo hợp đồng, Công ty đã góp vốn đầu tư vào Dự án Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái với thời gian thực hiện của Dự án là 20 năm. Công ty được phân chia 25% lợi nhuận từ dự án này. Chi phí đầu tư cho dự án được phân bổ trong khoảng thời gian thực hiện dự án.

Chi phí sửa chữa, cải tạo là các chi phí dùng bảo dưỡng, thay thế những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại trạng thái ban đầu của tài sản đảm bảo quá trình sản xuất liên tục.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị bao bì, tem nhãn, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này công ty phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định kế toán hiện hành.

11. Nguyên tắc kế toán phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán ghi nhận theo giá gốc.

12. Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức, lợi nhuận được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính khác.

Ghi nhận phải trả cổ tức, lợi nhuận khi có quyết định chia cổ tức, lợi nhuận chính thức từ Đại Hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Là doanh thu nhận trước của một hoặc nhiều kỳ kế toán và được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động kinh doanh hoặc thu nhập khác tương ứng với từng kỳ kế toán dựa trên dịch vụ đã cung cấp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

16. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên

quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

17. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

18. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa, được tính vào giá trị của tài sản đó.

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Nếu quá trình xây dựng bị gián đoạn trong một thời gian dài và hoạt động này không thực sự cần thiết, việc vốn hóa phải tạm dừng và hạch toán chi phí đi vay vào chi phí tài chính trong kỳ.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu và thu nhập khác ghi nhận theo nguyên tắc

Nguyên tắc phù hợp: Doanh thu và thu nhập phải được ghi nhận đồng thời với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tạo ra chúng.

Nguyên tắc thận trọng: Doanh thu chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế. Không ghi nhận doanh thu nếu có yếu tố không chắc chắn.

Ghi nhận dựa trên nghĩa vụ chuyển giao: Doanh thu được ghi nhận khi doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa cho người mua.

Tách biệt doanh thu và thu nhập khác:

- Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường (bán hàng, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính...).
- Thu nhập khác: Là các khoản thu nhập ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu thông thường, bao gồm các khoản được quy định cụ thể tại TK 711.

Phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng ghi nhận khi hàng hóa đã được chuyển giao, bên mua đã chấp nhận thanh toán, và doanh nghiệp đã thu được tiền hoặc có quyền thu tiền.

Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành của giao dịch dịch vụ tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ hoạt động tài chính ghi nhận các khoản lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản thu nhập tài chính khác.

Phương pháp ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Thu từ phạt hợp đồng, được bồi thường.

Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.

Các khoản thu nhập khác theo quy định pháp luật.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu: Ghi nhận theo nguyên tắc trừ trực tiếp vào doanh thu thuần trong kỳ (như chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại).

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng.

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi đã xác định là đã bán và được ghi nhận doanh thu. Chi phí giá vốn tương ứng với doanh thu tạo ra trong cùng một kỳ kế toán

Hàng hóa, thành phẩm: Ghi nhận giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa theo phương pháp bình quân gia quyền

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, và chi phí sản xuất chung vượt trên mức bình thường (không được tính vào trị giá hàng tồn kho) sẽ được chuyển ngay vào giá vốn trong kỳ.

Công ty trích lập dự phòng hàng tồn kho khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc, Khoản dự phòng này, sau khi trừ đi các khoản được hoàn nhập, thường được ghi nhận tăng giá vốn hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sau khi ghi nhận doanh thu sẽ được điều chỉnh giảm doanh thu và điều chỉnh giảm giá vốn tương ứng.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp. Các khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp được ghi nhận đúng kỳ phát sinh, phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

25. Nguyên tắc kế toán bán, thanh lý TSCĐ, bất động sản đầu tư

Những tài sản cố định hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng được.

Những tài sản cố định lạc hậu về kỹ thuật hoặc không phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

Giá trị bán, thanh lý TSCĐ được ghi nhận thu nhập trong kỳ theo giá trị net.

26. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên

quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2026 công ty áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 20%.

Các loại thuế, phí, lệ phí khác: được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

27. Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty đều là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

28. Nguyên tắc và phương pháp kế toán chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

29. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

30. Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý phần lớn là lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không trình bày thông tin theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền mặt tại quỹ	1.099.890.482	1.072.934.404
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	94.558.492.954	242.617.248.811
Tương đương tiền (i)	62.163.786.353	
Cộng	157.822.169.789	243.690.183.215

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	158.715.146.066	92.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	164.196.091.251	45.256.777.105
Cộng	322.911.237.317	137.756.777.105

9ÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
1 Đầu tư vào công ty con	1.096.380.280.526			1.096.380.280.526		
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây (i)	30.608.000.000			30.608.000.000		
Công ty CP cây trồng Trung Ương Quảng Nam (i)	6.823.788.000			6.823.788.000		
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam (ii)	780.948.492.526		360.815.108.400	780.948.492.526		396.000.978.900
Công ty cổ phần đầu tư và PTNT nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam(i)	47.000.000.000			47.000.000.000		
Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam(i)	231.000.000.000			231.000.000.000		
2 Đầu tư vào đơn vị khác	26.061.735.380			26.061.735.380		
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed(i)	26.061.735.380			26.061.735.380		

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính chưa niêm yết này tại ngày lập báo cáo do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được xác định dựa vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và 31 tháng 12 năm 2025.
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, 5.996.940 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 20.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty sở hữu 19,49% cổ phần trong Công ty Cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

➤ Tình hình hoạt động của các công ty con trong năm như sau:

Công ty con	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Hoạt động có lãi	Hoạt động có lãi
Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	Hoạt động có lãi	Hoạt động có lãi
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Hoạt động lỗ	Hoạt động có lãi
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vinaseed Hà Nội	Hoạt động có lãi	Hoạt động có lãi
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Hoạt động có lãi	Hoạt động có lãi
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Nông sản Việt Nam	Hoạt động có lãi	Hoạt động có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh VII.

4. Phải thu của khách hàng**Phải thu của khách hàng ngắn hạn (chi tiết 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật		46.996.000.000
Cty Hữu Hạn Cổ Phần Giống cây trồng Khoa Hội	5.984.396.154	5.984.396.154
Công ty Phú Thọ UDOM phát triển nông nghiệp XNK tư nhân	10.443.030.000	3.078.360.000
LINSAN IMEX s.r.o	15.990.665.215	2.451.204.100
Phải thu của các đối tượng khác	54.552.321.987	86.194.373.435
Phải thu của bên liên quan (i)	135.234.506.726	7.686.391.133
	222.204.920.082	152.390.724.822

(i) Chi tiết phải thu bên liên quan tại thuyết minh số VII.2

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP kiến trúc và xây dựng ICAD Việt Nam	2.004.619.832		2.004.619.832	
Ông Nguyễn Văn Thông	1.759.080.073		2.332.463.993	
Công ty TNHH Một thành viên Cà phê 721	2.178.000.000		2.178.000.000	
Ông Đặng Thanh Bình	-		234.619.440	
Các nhà cung cấp khác	16.136.618.498		13.830.387.485	
TỔNG CỘNG	22.078.318.403		20.580.090.750	

ÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

6. Phải thu khác

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Phải thu của người lao động (Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên) (i)	12.275.805.194		1.731.765.089	
Dự thu lãi tiền gửi và lãi đầu tư(ii)	1.044.949.315		1.269.173.318	
Ký cược, ký quỹ	15.000.000		15.000.000	
Phải thu bên liên quan (iii)	2.824.118.930			
Phải thu khác	3.314.144.480		4.866.714.017	
Cộng	19.474.017.919		8.937.684.552	

(i) Các khoản tạm ứng cho nhân viên để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường trong một chu kỳ.

(ii) Là lãi suất công ty gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng và lãi suất cho vay.

(iii) Chi tiết phải thu bên liên quan tại thuyết minh số VII.2

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Bà Nguyễn Thị Đào	20.000.000	20.000.000
	20.000.000	20.000.000

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc (trình bày lại)	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.014.197.336		41.464.215.648	
Công cụ, dụng cụ	600.582.128		559.426.331	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang			1.120.032.969	
Sản phẩm (i)	269.605.087.072	(1.305.370.223)	323.691.305.209	(1.305.370.224)
Hàng hóa	2.591.509.521		67.517.825	
Cộng	311.811.376.057	(1.305.370.223)	366.902.497.982	(1.305.370.224)

- Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

9ÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

(i) Công ty trình bày lại giá gốc của sản phẩm tồn kho, tách sản phẩm sinh học ra khỏi mục sản phẩm

	9. Giá gốc và giá trị có thể thu hồi được của tài sản sinh học		Số đầu năm	
	Số cuối kỳ		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc (trình bày lại)	Dự phòng
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần				
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	3.217.135.005		187.441.503	
Cộng	3.217.135.005		187.441.503	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
I. NGUYÊN GIÁ							
Số đầu năm	170.949.498.957	131.958.732.856	27.781.702.666		2.519.205.166	11.515.613.668	344.724.753.313
Tăng trong năm	-	-	-		104.511.600	-	104.511.600
Số cuối kỳ	170.949.498.957	131.958.732.856	27.781.702.666		2.623.716.766	11.515.613.668	344.829.264.913
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số đầu năm	84.666.612.499	92.862.379.750	19.473.928.230		2.077.743.218	3.900.677.736	202.981.341.433
Khấu hao trong năm	1.751.649.175	2.099.868.636	410.052.552		35.535.187	273.660.408	4.570.765.958
Số cuối kỳ	86.418.261.674	94.962.248.386	19.883.980.782		2.113.278.405	4.174.338.144	207.552.107.391
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	86.282.886.458	39.096.353.106	8.307.774.436		441.461.948	7.614.935.932	141.743.411.880
Tại ngày cuối kỳ	84.531.237.283	36.996.484.470	7.897.721.884		510.438.361	7.341.275.524	137.277.157.522
IV. Nguyên giá của TSCĐHH hết khấu hao còn sử dụng							
Tại ngày đầu năm	18.220.423.366	55.434.034.209	11.559.931.156		1.859.892.790	3.058.656.288	90.132.937.809
Tại ngày cuối năm	18.298.357.366	55.434.034.209	11.559.931.156		1.859.892.790	3.058.656.288	90.210.871.809

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

ĐVT: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng
I. NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	2.275.787.000	26.547.500.000	7.256.151.826	3.768.362.922	39.847.801.748
Số cuối kỳ	2.275.787.000	26.547.500.000	7.256.151.826	3.768.362.922	39.847.801.748
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	-	17.475.289.611	4.473.528.096	1.465.474.500	23.414.292.207
Khấu hao trong năm		190.012.497	270.943.572	62.806.050	523.762.119
Số cuối kỳ	-	17.665.302.108	4.744.471.668	1.528.280.550	23.938.054.326
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	2.275.787.000	9.072.210.389	2.782.623.730	2.302.888.422	16.433.509.541
Tại ngày cuối kỳ	2.275.787.000	8.882.197.892	2.511.680.158	2.240.082.372	15.909.747.422
IV. Nguyên giá của TSCĐHH hết khấu hao còn sử dụng					
Tại ngày đầu năm		14.991.500.000	1.733.477.000		16.724.977.000
Tại ngày cuối năm		14.991.500.000	1.733.477.000		16.724.977.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

12. Chi phí chờ phân bổ

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
a. Ngắn hạn	11.270.467.522	2.527.144.481
Bao bì, tem nhãn và công cụ dụng cụ	140.091.739	241.132.202
Chi phí giống gốc chờ phân bổ	4.158.820.097	252.785.596
Chi phí khác	6.971.555.686	2.033.226.683
b. Dài hạn	19.376.060.855	19.356.552.122
Chi phí sửa chữa, cải tạo	4.158.820.097	5.107.655.988
Chi phí hợp tác đầu tư	2.638.744.010	2.668.392.820
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng khu CN		
Đồng Văn I	8.734.328.132	8.761.331.842
Chi phí khác	3.844.168.616	2.819.171.472
Cộng	30.646.528.377	21.883.696.603

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại:	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
- <i>Chiết khấu thương mại chưa xuất hóa đơn</i>	3.422.201.150	3.494.727.623
- <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>		14.152.708
Số dư cuối năm	3.422.201.150	3.508.880.331

14. Phải trả người bán

- *Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

9ÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

14. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn. trong đó:				
Phải trả nhà thầu Công ty TNHH giống cây trồng Vạn Xuyên	139.110.946.407	139.110.946.407	135.862.091.993	135.862.091.993
Chi nhánh Công ty CP bao bì và in nông nghiệp tại Hưng Yên	464.192.000	464.192.000	464.192.000	464.192.000
Phải trả bên liên quan (i)	2.684.756.278	2.684.756.278	33.599.160.113	33.599.160.113
Phải trả cho các đối tượng khác	121.901.367.281	121.901.367.281	75.557.359.673	75.557.359.673
b Phải trả dài hạn	14.060.630.848	14.060.630.848	26.241.380.207	26.241.380.207
Cộng	139.110.946.407	139.110.946.407	135.862.091.993	135.862.091.993

(i) Phải trả bên liên quan chi tiết tại thuyết minh số VII.2

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
KOKORO TRADING LTD	928.219.826	928.219.826	928.219.826	928.219.826
Công ty TNHH Nông nghiệp Kỳ Lân			854.538.000	854.538.000
Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp Tuấn Lưu Asia-Foods			774.460.000	774.460.000
SAS VMART	825.726.335	825.726.335		
Người mua trả tiền trước khác	673.936.236	673.936.236	8.778.791.877	8.778.791.877
Cộng	4.783.329.331	4.783.329.331	11.336.009.703	11.336.009.703

16. Thuế phải thu, phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	25.502.471	388.988.688	73.376.729	341.114.430
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.869.817.229	8.771.514.926	16.927.435.594	8.713.896.561
Thuế thu nhập cá nhân	(2.924.138.185)	2.164.776.846	2.666.731.830	(3.426.093.169)
Thuế khác	-	-	-	-
Cộng	13.971.181.515	11.325.280.460	19.667.544.153	5.628.917.822

Trong đó:

Thuế trả trước	(2.924.138.185)	(3.426.093.169)
Thuế phải nộp	16.895.319.700	9.055.010.991

17. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Chiết khấu thương mại	3.513.941.063	2.946.432.293
Chiết khấu thanh toán	2.213.068.697	4.848.536.800
Các khoản trích trước khác	3.532.131.643	4.179.982.091
Cộng	9.259.141.403	11.974.951.184

18. Phải trả khác

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Ngắn hạn, trong đó:	31.864.082.080	16.558.812.213
Lãi vay phải trả	3.473.808.823	1.597.476.804
KPCD	162.889.340	289.044.340
BHXX, BHYT, BHTN	24.588.350	-
Dự án	1.021.274.948	1.293.205.086
Tiền trợ cấp mất việc làm và phải trả CBCNV đã nộp thuế	7.868.220.707	7.898.420.707
Thủ lao HĐQT, BKS	-	62.500.000
Chi phí sản xuất	5.257.210.512	576.231.213
Bên liên quan (i)	40.208.854	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	14.015.880.546	4.841.934.063

(i) Phải trả bên liên quan chi tiết tại thuyết minh số VII.2

19. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ (VND)		Trong kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Nợ ngắn hạn						
<i>Vay ngân hàng</i>	423.138.272.010	423.138.272.010	357.897.037.844	307.783.482.776	373.024.716.942	373.024.716.942
<i>Vay các bên liên quan</i>	119.000.000.000	119.000.000.000	111.000.000.000	6.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng ngắn hạn	542.138.272.010	542.138.272.010	468.897.037.844	313.783.482.776	387.024.716.942	387.024.716.942

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	137.187.263.574	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Lãi trả cuối kỳ	5.996.940 Cổ phiếu SSC
	53.547.412.885	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 23 tháng 03 năm 2026. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Tín chấp
Ngân hàng Shinhan – Chi nhánh Phạm Hùng			
Ngân hàng BIDV CN Ba tháng hai	39.127.595.551	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 02 tháng 03 năm 2026. Lãi trả vào ngày 10 hàng tháng.	Tín chấp
Ngân hàng CTBC	193.276.000.000	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 23 tháng 09 năm 2026. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.	Tín chấp
TỔNG CỘNG	423.138.272.010		
Vay bên liên quan			
Công ty CP đầu tư và PTNT công nghệ cao Hà Nam	8.000.000.000	Thời hạn cho vay 1 năm kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 01 tháng 10 năm 2026. Lãi trả cuối kỳ	Tín chấp
Công ty CP giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	40.000.000.000	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 07 tháng 05 năm 2026. Lãi trả cuối kỳ	Tín chấp
Công ty CP Tập đoàn Pan	50.000.000.000	Thời hạn cho vay 3 tháng trả nợ vào ngày 30 tháng 04 năm 2026. Lãi trả cuối kỳ	Tín chấp
Công ty TNHH Đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	21.000.000.000	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30 tháng 06 năm 2026. Lãi trả cuối kỳ	Tín chấp
TỔNG CỘNG	119.000.000.000		

- *Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	3	4	6	7
Số dư tại ngày 01/01/2025	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	422.190.297.899	627.952.233.167	1.557.207.938.916
Lợi nhuận trong năm					158.577.891.525	158.577.891.525
Trả cổ tức					(35.149.032.000)	(35.149.032.000)
Phân phối vào ĐTP				22.238.016.411	(22.238.016.411)	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi					(18.420.595.881)	(18.420.595.881)
Thù lao HĐQT và BKS					(1.190.346.000)	(1.190.346.000)
Trích quỹ xã hội					(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Sử dụng các quỹ				(26.300.139.107)		(26.300.139.107)
Tăng, giảm khác						
Số dư tại ngày 31/12/2025	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	418.128.175.203	704.532.134.400	1.629.725.717.453
Lợi nhuận trong năm					34.522.699.138	34.522.699.138
Trả cổ tức 2024					(35.149.032.000)	(35.149.032.000)
Thù lao HĐQT và BKS					(541.500.000)	(541.500.000)
Sử dụng các quỹ (*)				(5.481.332.546)		(5.481.332.546)
Số dư tại ngày cuối kỳ	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	412.646.842.657	703.364.301.538	1.623.076.552.045

(*) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	<u>Số cuối kỳ (VND)</u>	<u>Số đầu kỳ (VND)</u>
Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	140.787.070.000	140.787.070.000
Vốn góp của đối tượng khác	34.958.090.000	34.958.090.000
Cổ phiếu quỹ	124.720.000	124.720.000
Cộng	<u>175.869.880.000</u>	<u>175.869.880.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm		
- Cổ tức, lợi nhuận đã công bố		70.298.064.000
+ Cổ tức cho năm 2023: 4.000 đ/cổ phiếu		70.298.064.000
- Cổ tức đã chia trong năm	70.298.064.000	70.298.064.000
Cổ tức cho năm 2023: 2.000 đồng/cổ phiếu		35.149.032.000
Cổ tức cho năm 2024: 2.000 đồng/cổ phiếu		35.149.032.000
Cổ tức cho năm 2024: 2.000 đồng/cổ phiếu	35.149.032.000	

d. Cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông, trong đó:	17.586.988	17.586.988
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	17.586.988	17.586.988
- Cổ phiếu quỹ	12.472	12.472
+ Cổ phiếu phổ thông	12.472	12.472
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.574.516	17.574.516
+ Cổ phiếu phổ thông	17.574.516	17.574.516

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

e. Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp

	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
Quỹ đầu tư phát triển đầu kỳ	418.128.175.203	422.190.297.899
Trích quỹ trong kỳ		
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>5.481.332.546</u>	<u>6.467.148.379</u>
Dư cuối kỳ	<u>412.646.842.657</u>	<u>415.723.149.520</u>

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
a. Tài sản nhận giữ hộ (VND)		
b. Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	43.814.990.000	49.324.990.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	2.958.535,30	2.675.155,15
- Nhân dân tệ (CNY)	113.882,82	11.674,92
- Euro (EURO)	71.876,21	71.876,21
Nợ khó đòi đã xử lý	2.933.519.475	2.933.519.475

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	336.104.853.444	309.084.039.738
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.693.245.612	1.673.304.305
Cộng	<u>338.798.099.056</u>	<u>310.757.344.043</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chiết khấu thương mại	1.721.998.875	1.161.700.300
Hàng bán bị trả lại	5.606.547.931	1.541.329.300
Giảm giá hàng bán		
Cộng	<u>7.328.546.806</u>	<u>2.703.029.600</u>

3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	268.223.123.048	245.006.285.211
Doanh thu cung cấp dịch vụ	222.146.573	
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	<u>268.445.269.621</u>	<u>245.006.285.211</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.963.110.909	966.886.062
Lãi chênh lệch tỷ giá	415.372.045	936.094.457
Cộng	<u>6.378.482.954</u>	<u>1.902.980.519</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

5. Chi phí tài chính		
	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chi phí lãi vay	5.570.931.108	2.467.250.461
Chiết khấu thanh toán	356.387.229	210.821.506
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.008.141.885	-
Chi phí hoạt động tài chính khác		
Cộng	6.935.460.222	2.678.071.967
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
a. Chi phí bán hàng	11.327.092.664	12.884.586.832
Chi phí nhân viên	95.676.450	20.318.900
Chi phí vận chuyển	1.606.756.991	4.871.956.917
Chi phí khấu hao	212.455.548	374.900.493
	4.210.269.275	3.044.729.724
Các khoản chi phí bán hàng khác	5.201.934.400	4.572.680.798
b. Chi phí quản lý	7.728.026.771	7.187.341.030
Chi phí nhân viên	1.098.881.558	1.336.945.476
Chi phí khấu hao	1.137.840.446	1.366.487.958
	1.941.827.167	1.605.656.728
Các khoản chi phí QLDN khác	3.549.477.600	2.878.250.868
7. Lợi nhuận khác		
	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Thu nhập khác	142.908.273	156.192.528
<i>Thu nhập từ thanh lý tài sản</i>		
<i>Thu khác</i>	142.908.273	156.192.528
Chi phí khác	200.234.481	149.175.874
<i>Chi phí phạt</i>	40.000.000	
<i>Chi phí từ thanh lý tài sản</i>	160.234.481	149.175.874
<i>Chi khác</i>		
Cộng	(57.326.208)	7.016.654

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.840.677.564	213.459.548.081
Chi phí nhân công	1.794.856.632	3.776.800.616
Chi phí khấu hao tài sản	2.320.490.671	4.322.419.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.385.541.018	13.627.102.460
Chi phí bằng tiền khác	7.460.337.709	4.549.413.878
Cộng	104.801.903.594	239.735.284.193

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.773.786.815	6.736.552.560
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	58.373.765	1.724.796.121
Cộng	8.715.413.050	5.011.756.439

Chi tiết thuế thu nhập hiện hành

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	43.354.859.718	190.271.846.562
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	43.868.934.077	148.599.700.387
Thuế tính theo thuế suất TNDN hiện hành	20%	20%
Điều chỉnh	514.074.359	(41.672.146.175)
- Các khoản điều chỉnh tăng:	18.556.180.696	20.015.476.420
<i>Chi phí không được trừ</i>	1.374.411.406	2.541.838.305
<i>Chiết khấu TM chưa xuất hóa đơn</i>	17.181.769.290	17.473.638.115
- Các khoản điều chỉnh giảm:	18.042.106.337	61.687.622.595
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	568.468.222	34.273.146.140
<i>Chiết khấu TM năm trước xuất hóa đơn năm nay và hoàn trích năm trước</i>	17.473.638.115	27.414.476.455
Dự phòng thiếu (thừa) của các năm trước		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.773.786.815	6.736.552.560

Chi tiết thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	58.373.765	1.724.796.121
Cộng	<u>58.373.765</u>	<u>1.724.796.121</u>

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	463.433.037.844	228.634.212.566
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác		

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	308.783.482.776	94.219.163.027
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ với bên liên quan**

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao
2	Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ
3	Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn
4	Công ty Cổ phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn
5	Công ty Cổ phần ĐT và PT Vinaseed Hà Nội	Công ty con
6	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con
7	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con
8	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con
10	Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con
11	Công ty TNHH Đầu tư và Xuất Nhập khẩu Nông sản Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
12	Công ty CP khử trùng Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
13	Cty TNHH thương mại COCO Food	Công ty có liên quan tới thành viên Hội đồng quản trị
14	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Công ty có liên quan tới thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Chức vụ tại Công ty, mối liên hệ
Bà Nguyễn Thị Trà My	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT, thành viên độc lập
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT, thành viên độc lập
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm TVHĐQT ngày 16/04/2026), Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thế Tỷ	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc (bỏ nhiệm TVHĐQT ngày 16/04/2026)
Ông Trần Trương Tấn Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Vinh	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2026)
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2026)
Bà Văn Thị Ngọc Ánh	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2026)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

2. Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND) (trình bày lại)
Bán hàng, dịch vụ		136.316.945.531	127.947.307.213
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con		
Công ty CP Đầu tư và PT Vinaseed Hà Nội	Công ty con	160.500.000	2.228.595.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	2.520.000.000	802.900.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	7.319.148.000	565.488.000
Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	Công ty con	124.712.497.531	123.753.420.308
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con	1.604.800.000	534.200.000
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn		62.703.905
Mua hàng, dịch vụ		78.322.630.325	5.274.353.451
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	70.193.821	
Công ty CP Đầu tư và PT Vinaseed Hà Nội	Công ty con		
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	214.299.350	
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	7.184.551.096	3.409.797.497
Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	Công ty con	65.078.620.206	4.060.560
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con	412.500.000	1.601.187.394
Công ty CP khử trùng Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	206.639.000	259.308.000
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Công ty có liên quan tới thành viên Hội đồng quản trị	1.820.400.000	
Cty TNHH thương mại COCO Food	Công ty có liên quan tới thành viên Hội đồng quản trị	3.335.426.852	
Đi thuê tài sản		1.527.793.513	332.636.444
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	191.652.900	309.584.135
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	15.394.254	23.052.309
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	1.320.746.359	
Cho vay		15.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con		
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con	15.000.000.000	
Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	Công ty con		3.000.000.000

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Thu hồi gốc vay

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam Công ty con
 Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam Công ty con

Đi vay

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam Công ty con 111.000.000.000
 Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam Công ty con 40.000.000.000
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN Công ty mẹ tối cao 21.000.000.000
 50.000.000.000

Trả nợ gốc vay

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam Công ty con 5.000.000.000 20.000.000.000
 Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam Công ty con 5.000.000.000 20.000.000.000

Thu hộ khác

Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam Công ty con 142.908.273
 142.908.273

Thu hộ khác

Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam Công ty con 160.234.481
 160.234.481

Lãi Cho vay

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam Công ty con 10.019.178
 Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam Công ty con
 Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam Công ty con 10.019.178

Lãi Đi vay

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam Công ty con 1.247.016.439 394.520.548
 95.906.849
 Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam Công ty con 552.945.205
 Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam Công ty con 369.863.014
 Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam Công ty con 106.054.795
 Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam Công ty con 41.424.658 24.657.534
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN Công ty mẹ tối cao 450.684.932

Cổ tức đã công bố

Công ty Cổ phần PAN FARM Công ty mẹ 28.157.414.000 28.157.414.000

Cổ tức đã trả

Công ty Cổ phần PAN FARM Công ty mẹ 28.157.414.000 28.157.414.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Số dư công nợ với các bên liên quan tại ngày cuối kỳ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			135.234.506.726	7.686.391.133
Công ty CP Đầu tư và PT Vinaseed Hà Nội	Công ty con	Bán hàng	160.500.000	760.606.500
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	Bán hàng	2.020.000.000	5.510.101.730
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Bán hàng	8.066.381.351	748.003.351
Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	Công ty con	Bán hàng	118.543.602.914	
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con	Bán hàng	6.444.022.461	667.679.552
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng Pan	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng		
Phải thu ngắn hạn khác			2.824.118.930	4.171.542.909
Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	Công ty con	Phải thu khác		
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con	Thu hộ tiền hàng	2.824.118.930	4.171.542.909
Phải trả người bán ngắn hạn			125.371.313.633	75.583.161.673
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	Mua hàng	19.251.470.411	19.278.231.983
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	Mua hàng	194.480.000	
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Mua hàng	7.995.014.284	
Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	Công ty con	Mua hàng	94.047.902.586	56.279.127.690
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con	Mua hàng	412.500.000	
Cty TNHH thương mại COCO Food	Công ty có liên quan tới thành viên Hội đồng quản trị	Mua hàng	1.649.546.352	25.802.000
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Công ty có liên quan tới thành viên Hội đồng quản trị		1.820.400.000	

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

			90.446.915	
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty CP Đầu tư và PTNN Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	Phải trả khác	40.208.854	
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Chi phí trả trước	500.000	
Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	Công ty con	Chi phí trả trước	49.738.061	
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con	Phải trả khác		
Số dư phải trả đi vay và phải thu cho vay			119.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	Gốc đi vay	8.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	Gốc đi vay	40.000.000.000	
Công ty Cổ phần Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con	Gốc đi vay		5.000.000.000
Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	Công ty con	Gốc đi vay	21.000.000.000	
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN	Công ty mẹ tối cao	Gốc đi vay	50.000.000.000	

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thủ lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm:

	Chức vụ	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
THỦ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Bà Nguyễn Thị Trà My	Chủ tịch HĐQT		
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT độc lập		
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT độc lập		
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT độc lập		
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT, Phó TGD (bổ nhiệm ngày 16/04/2025)		
THỦ LAO BAN KIỂM SOÁT			
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát		
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát		
Bà Văn Thị Ánh Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2025)		
THU NHẬP BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY		2.639.628.433	5.425.870.000
Các thành viên ban điều hành	Chủ tịch điều hành, Phó TGD, GĐTC, KTT	2.639.628.433	5.425.870.000

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

2. Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Lợi nhuận sau thuế

	<i>Kỳ này (VND)</i>	<i>Kỳ trước (VND)</i>
Lợi nhuận sau thuế	34.522.699.138	33.746.677.895
Cộng	34.522.699.138	33.746.677.895

Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2026 tăng 2,3% so với quý 1 năm 2025

4. Các cam kết**Cam kết liên quan đến tiền thuê đất**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số đầu kỳ (VND)</i>	<i>Số cuối kỳ (VND)</i>
Đến 1 năm	2.045.009.628	2.045.009.628
Trên 1 đến 5 năm	6.568.496.745	7.079.749.152
Trên 5 năm	-	-
Cộng	8.613.506.373	9.124.758.780

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 16 tháng 04 năm 2026 Đại hội đồng cổ đông biểu quyết miễn nhiệm các chức danh thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 16/04/2026 để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ngoài sự kiện trên không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

6. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam và Báo cáo tài chính quý 1 năm 2025.

Lập ngày 24 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Lê Thành Chung

Nguyễn Thị Trà My

